TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-5-2023
V/việc: " Tranh chấp hôn nhân và gia đình "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Trần Hoài Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hưng.

Ông Thái Văn Thành.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Thanh Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Lại Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 600/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Thái Duy Ch. Sinh năm: 1940.

Trú tại: Xóm 4, xã XT, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Thái Thị H. Sinh năm: 1960.

Trú tại: Xóm 4, xã XT, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Thái Duy Ch trình bày: Ông Thái Duy Ch và bà Thái Thị H có quan hệ nam nữ với nhau từ năm 1992 và đến năm 2005 thì chung sống với nhau như vợ chồng tại nhà của ông Ch. Đến ngày 14 tháng 3 năm 2011 thì hai người làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã XT, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn thì hai người chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian và đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 9 năm 2021 thì hai người sống ly thân, bà H chuyển đến sinh sống tại nhà con trai là anh Thái Duy H và từ đó thì

không còn quan tâm, chăm sóc gì ông Ch nữa. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, quan hệ vợ chồng không còn tình cảm và không còn hạnh phúc. Vì vậy, ông Thái Duy Ch làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Thái Thị H.

Về quan hệ con cái: Ông Ch và bà H có một con chung là anh Thái Duy H, sinh năm 1993 và bản thân ông Ch có 04 người con riêng. Các con riêng và con chung hiện nay đều đã trưởng thành, có công việc và thu nhập để tự chăm lo cho cuộc sống của bản thân nên ông Ch không có yêu cầu giải quyết về quan hệ con cái. Ngoài ra, hai người không nhận nuôi con nuôi.

Về tài sản: Trong quá trình chung sống với nhau, ông và bà H đã tạo lập được khối tài sản chung, bao gồm: Thửa đất số 2302 (lô 25), tờ bản đồ số 16 (QH-2007) tại xóm Tân Xuân, xã Xuân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An; 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios, BKS 37A-507.90 và số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) gửi tại Quỹ tín dụng xã Xuân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Quá trình giải quyết vụ án, ông Ch rút một phần yêu cầu khởi kiện, đó là không yêu cầu đưa số tiền 400.000.000đ vào khối tài sản chung của vợ chồng để phân chia. Tại phiên hòa giải và phiên tòa hôm nay, ông Ch đề nghị chia đôi giá trị tài sản chung vợ chồng gồm trị giá thửa đất và trị giá chiếc xe ô tô. Ông Ch xin nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu chiếc xe ô tô và sẽ có nghĩa vụ trích chia trị giá tài sản chung bằng tiền cho bà H. Ngoài ra, hai người không cho ai vay hay vay của ai tài sản gì. Các con riêng của ông cũng như anh Thái Duy H không có công sức đóng góp gì vào việc tạo lập ra khối tài sản chung nói trên của ông và bà H.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà Thái Thị H trình bày: Bà đã được ông Ch thông báo về việc nộp đơn khởi kiên tại Tòa án cũng như đã nhận được bản sao các tài liệu mà ông Ch đã nộp cho Tòa án kèm theo đơn khởi kiện. Bà và ông Ch có quan hệ nam nữ từ năm 1993 và đến năm 2005 thì ông Ch đón bà cùng anh H về ở cùng để tiện cho việc chăm sóc cho người vợ trước của ông Ch lúc đó đang điều trị bệnh. Năm 2010 thì vợ trước của ông Ch mất và đến năm 2011 thì hai người làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Hai người chung sống hạnh phúc đến thời gian gần đây thì xảy ra mâu thuẫn. Do đó, đến tháng 11 năm 2021 thì bà chuyển đến sinh sống cùng với gia đình con trai là anh Thái Duy H. Từ khi ly thân thì giữa hai người không còn tình cảm hay quan tâm chăm sóc gì nhau nữa. Nay ông Ch làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà đồng ý.

Về quan hệ con cái: Bà nhất trí như nội dung ông Ch đã trình bày.

Về quan hệ tài sản: Bà và ông Ch có khối tài sản chung gồm 01 chiếc ô tô và số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Chiếc ô tô thì hiện nay ông Ch đang quản lý, còn số tiền 300.000.000đ thì anh Thái Duy H đã vay 200.000.000đ để làm ăn còn 100.000.000đ thì anh H đang đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hành TMCP Bưu điện Liên Việt. Đối với thửa đất tại xóm Tân Xuân, xã Xuân Thành thì đây là tài sản riêng của bà H. Thửa đất này bà sử dụng tiền của bản thân để mua đấu giá quyền sử dụng đất từ năm 2007 và năm 2011 thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà. Vì thế bà không đồng ý với ông Ch về việc đưa quyền sử dụng đối với thửa đất số 2302 (lô 25), tờ bản đồ số 16

(QH-2007) tại xóm Tân Xuân, xã Xuân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An làm tài sản chung để phân chia. Quá trình giải quyết vụ án, bà yêu cầu ông Ch phải có nghĩa vụ trích chia công sức đóng góp trong thời gian sống chung với số tiền 576.000.000đ (Năm trăm bảy mươi sáu triệu đồng). Tuy nhiên, tại phiên hòa giải, vì ông Ch không yêu cầu phân chia số tiền hai người đã tích cóp được hiện đang giao cho anh Hiếu quản lý nên bà rút yêu cầu này và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hai người không cho ai vay hay vay của ai tài sản gì. Anh Thái Duy H và các con riêng của ông Ch không có đóng góp gì vào việc tạo lập khối tài sản chung của bà và ông Ch.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Thái Duy H không có yêu cầu buộc ông Ch - bà H phải trích chia công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Thái Duy Ch có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định và định giá tài sản đối với toàn bộ tài sản chung của vợ chồng. Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ lập vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 01/3/2023 xác định, khối tài sản đang tranh chấp của ông Ch - bà H có cụ thể như sau:

- 01 (Một) Thửa đất đất số 2302 (lô 25), tờ bản đồ số 16 (QH-2007) tại xóm Tân Xuân, xã Xuân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An đang tranh chấp có diện tích 140m^2 trị giá 1.820.000.000đ (Một tỷ, tám trăm hai mươi triệu đồng);

- 01 (Một) Chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios - BKS 37A-507.90 trị giá 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Tổng trị giá khối tài sản chung đang tranh chấp của ông Ch và bà H là 2.220.000.000đ (Hai tỷ, hai trăm hai mươi triệu đồng).

(Theo biên bản định giá tài sản lập vào hồi 09 giờ, ngày 01/3/2023)

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho ông Ch được ly hôn với bà H. Áp dụng khoản 1 Điều 33, khoản 2 Điều 59; điểm a khoản 2 Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị phân chia ông Ch và bà H mỗi người được hưởng 1/2 giá trị khối tài sản chung gồm giá trị quyền sử dụng thửa đất và trị giá chiếc xe ô tô. Đình chỉ yêu cầu của ông Ch về đề nghị phân chia khoản tiền 400.000.000đ. Không xem xét đối với yêu cầu của bà H về việc đề nghị đưa 20 cây vàng và công sức đóng góp trong việc cải tạo ngôi nhà vào giải quyết trong vụ án này. Áp dụng điều 147 BLTTDS điểm đ khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, miễn toàn bộ tiền án phí DSST cho các bên đương sự. Đề nghị giải quyết lệ phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Tranh chấp giữa ông Thái Duy Ch và bà Thái Thị H là "Ly hôn". Vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành theo quy định tại khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35 BLTTDS.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, ông Thái Duy Ch rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không đề nghị giải quyết khoản tiền 400.000.000đ. Căn cứ Điều 217 BLTTDS, đình chỉ yêu cầu này của ông Thái Duy Ch.

[1.3] Quá trình giải quyết vu án, ông Thái Duy Ch và bà Thái Thị H có giao nộp cho Tòa án 03 USB có lưu trữ một số đoạn ghi âm và hình ảnh. Tuy nhiên, các tài liệu này chưa có đủ căn cứ pháp lý để sử dụng vào việc giải quyết vụ án. Vì vậy, không xem xét các nội dung được lưu trữ trong các USB mà ông Ch, bà H đã giao nộp.

[1.4] Đối với yêu cầu của bà Thái Thị H tại phiên tòa: Bà H đề nghị đưa số 20 cây vàng hiện đang do ông Ch quản lý vào khối tài sản chung để chia cũng như yêu cầu ông Ch trích chia công sức đóng góp của bà H trong việc cải tạo, giữ gìn ngôi nhà hiện nay ông Ch đang quản lý, sử dụng. Tuy nhiên xét thấy, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 30/3/2023, bà H chỉ có ý kiến đó là không đồng ý với ông Ch về việc đưa quyền sử dụng thửa đất vào khối tài sản chung để chia mà không có yêu cầu phản tố hay đề nghị gì khác về tài sản chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định không có căn cứ để xem xét đối với yêu cầu của bà H về việc đưa số 20 cây vàng vào khối tài sản chung để chia cũng như xác định công sức đóng góp của bà H vào việc cải tạo và giữ gìn ngôi nhà của ông Ch hiện nay đang ở.

Nếu sau này bà Thái Thị H có yêu cầu giải quyết về việc phân chia đối với các loại tài sản nói trên thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ tình cảm: Hôn nhân giữa ông Thái Duy Ch và bà Thái Thị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thì giữa hai người đã xảy ra mâu thuẫn và nay đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Hai người đã không còn quan tâm hay còn tình cảm với nhau nữa, vì vậy ông Ch nhất quyết ly hôn và bà H cũng đồng ý. Thấy rằng, hôn nhân của ông Ch - bà H không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của ông Ch, cho ông Thái Duy Ch được ly hôn với bà Thái Thị H, điều này là phù hợp với thực tế cuộc sống và cũng là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Quan hệ con cái: Hiện nay con chung của ông Ch - bà H đã trưởng thành và cả hai không có yêu cầu gì. Vì vậy, nên miễn xét.

[2.3] Quan hệ tài sản:

[2.3.1] Chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios - BKS 37A-507.90 là tài sản chung của ông Ch - bà H.

[2.3.2] Đối với quyền sử dụng thửa đất đất số 2302 (lô 25), tờ bản đồ số 16 (QH-2007) tại xóm Tân Xuân, xã Xuân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Xét thấy: Quyền sử dụng đối với thửa đất này được các bên thừa nhận là hình thành từ năm 2007 thông qua mua đấu giá tại UBND xã Xuân Thành và đến ngày 08/3/2011 thì được UBND huyện Yên Thành cấp GCNQSD đất mang

tên bà Thái Thị H. Bà H cho rằng đây là tài sản riêng của bà do bản thân bà H sử dụng tiền của cá nhận để nhận chuyển nhượng khi mua đấu giá và được cấp GCNQSD đất trước khi thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định (Ngày 14/3/2011). Ông Ch cho rằng đây là tài sản chung, nhưng vì lý do không muốn có sự tranh chấp giữa các con riêng với bà H nên để cho bà H một mình đứng tên trong GCNQSD đất.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên thừa nhận mặc dù đăng ký kết hôn vào thời điểm năm 2011 nhưng từ năm 2005 thì bà H đã về chung sống với ông Ch. Điều này phù hợp với tài liệu xác minh tại địa phương về thời gian thực tế chung sống của bà H tại nhà ông Ch. Như vậy, hôn nhân thực tế giữa hai người phát sinh từ thời điểm cả hai chung sống với nhau như vợ chồng - năm 2005. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, bà H không cung cấp được các tài liệu có căn cứ để xác định đây là tài sản riêng của bà H. Mặc dù, GCNQSD đất được cấp cho bà H trước thời điểm cả hai thực hiện việc đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, căn cứ vào hôn nhân thực tế, hoàn cảnh, thu nhập của các bên. Đủ điều kiện để áp dụng khoản 3 Điều 33 và khoản 2 Điều 36 Luật Hôn nhân và gia đình để xác định quyền sử dụng đối với thửa đất số 2302 (lô 25), tờ bản đồ số 16 (QH-2007) tại xóm Tân Xuân, xã Xuân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An là tài sản chung của ông Thái Duy Ch và bà Thái Thị H. Cần đưa quyền sử dụng đối với thửa đất này vào khối tài sản chung của vợ chồng ông Ch - bà H để phân chia nhằm đảm bảo quyền, lợi ích của các bên đương sự trên cơ sở quy định của pháp luật.

[2.3.3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông Ch yêu cầu được nhận quyền sử dụng đối với thửa đất và quyền sở hữu đối với chiếc xe ô tô, bà H xin nhận quyền sở hữu đối với chiếc xe ô tô. Căn cứ vào như cầu, thực tế sử dụng cũng như hoàn cảnh kinh tế trên cơ sở yêu cầu của các bên, đảm bảo quyền lợi khi phân chia tài sản chung. Xét thấy, cần giao quyền sử dụng thửa đất cho ông Thái Duy Ch và giao quyền sở hữu chiếc xe ô tô cho bà Thái Thị H. Cần buộc ông Ch phải có nghĩa vụ trích chia giá trị tài sản chung cho bà H. Cụ thể như sau:

Giá trị khối tài sản chung: 2.220.000.000^{đ} (Hai tỷ, hai trăm hai mươi triệu đồng). Căn cứ vào công sức đóng góp, duy trì tài sản chung của mỗi bên. Xét thấy, ông Ch và bà H mỗi người được hưởng 1/2 giá trị khối tài sản chung là phù hợp. Như vậy, mỗi người được hưởng phần tài sản chung với số tiền là 1.110.000.000^{đ} (Một tỷ, một trăm mười triệu đồng).

Ông Chương được quyền sử dụng thửa đất có trị giá 1.820.000.000^{đ} (Một tỷ, tám trăm hai mươi triệu đồng); bà Hanh được quyền sở hữu chiếc xe ô tô có trị giá 400.000.000^{đ} (Bốn trăm triệu đồng). Như vậy, ông Ch có nghĩa vụ trích chia phần chênh lệch tài sản cho bà H với số tiền 710.000.000^{đ} (Bảy trăm mười triệu đồng).

[3] Về án phí: Quá trình giải quyết vụ án, ông Thái Duy Ch và bà Thái Thị H đều có đơn xin miễn án phí được lập phù hợp theo quy định. Xét thấy, ông Ch và bà H đều là người cao tuổi. Do vậy, cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Ch và bà H.

[4] Về lệ phí: Ông Thái Duy Ch đã nộp tạm ứng chi phí đối với yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền 7.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án đã chi phí hết, trong đó: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ và chi phí định giá tài sản là 4.000.000đ (Có bảng kê kèm theo hồ sơ vụ án).

Xét thấy, đây là vụ án ly hôn nên nguyên đơn phải nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Các đương sự yêu cầu chia tài sản chung nên mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí định giá tài sản tương ứng với tỉ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 157, khoản 2 Điều 165 và khoản 2 Điều 166 BLTTDS, cần buộc bà Thái Thị H phải hoàn trả cho ông Thái Duy Ch số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 71; khoản 3 Điều 157; khoản 2 Điều 165; khoản 2 Điều 166; Điều 147 và Điều 217 BLTTDS;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 33; Điều 51; Điều 56; khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14;

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Thái Duy Ch. Cho ông Thái Duy Ch được ly hôn với bà Thái Thị H.

2. Về tài sản:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Thái Duy Ch về việc yêu cầu đưa số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) vào khối tài sản chung của vợ chồng để phân chia.

- Giao cho ông Thái Duy Ch được quyền sử dụng thửa đất đất số 2302 (lô 25), tờ bản đồ số 16 (QH-2007) tại xóm Tân Xuân, xã Xuân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An có trị giá 1.820.000.000đ (Một tỷ, tám trăm hai mươi triệu đồng).

- Ông Thái Duy Ch có nghĩa vụ trích chia cho bà Thái Thị H số tiền 710.000.000đ (Bảy trăm mười triệu đồng).

- Giao cho bà Thái Thị H được quyền sở hữu chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Vios - BKS 37A-507.90 có trị giá 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

- Bà Thái Thị H được nhận số tiền trích chia tài sản từ ông Thái Duy Ch với số tiền 710.000.000đ (Bảy trăm mười triệu đồng).

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời

gian chậm thi hành án theo quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Ông Thái Duy Ch có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Về án phí, lệ phí:

- Miễn toàn bộ tiền án phí DSST cho ông Thái Duy Ch và bà Thái Thị H.

- Bà Thái Thị H phải hoàn trả cho ông Thái Duy Ch số tiền lệ phí định giá tài sản là 2.000.000^{đ} (Hai triệu đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Ông Thái Duy Ch và bà Thái Thị H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND huyện Yên Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Yên Thành;*
- *UBND xã Xuân Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Trần Hoài Nam